

UBND PHƯỜNG KIẾN AN
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Số: 133/BQLDA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kiến An, ngày 22 tháng 7 năm 2026

V/v trình phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ của các hộ gia đình, cá nhân Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối Quốc lộ 5 với Quốc lộ 10 đoạn qua địa bàn phường Kiến An

Kính gửi:

- Phòng Kinh tế;
- Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường.

Căn cứ Quyết định số 4932/QĐ-UBND ngày 04/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối Quốc lộ 5 với Quốc lộ 10 đoạn qua địa bàn quận Kiến An (nay là phường Kiến An);

Căn cứ Trích lục nguồn gốc (đất nông nghiệp) thu hồi để thực hiện Dự án đầu tư tuyến đường nối Quốc lộ 5 với Quốc lộ 10 đoạn qua địa bàn phường Kiến An – tổ dân phố Đồng Khê do Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường lập ngày 16/7/2026;

Thực hiện Công văn số 2991/UBND-XDNNMT ngày 06/7/2026 của UBND phường Kiến An về việc xác nhận số nhân khẩu của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp thuộc Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối Quốc lộ 5 với Quốc lộ 10 đoạn qua địa bàn phường Kiến An.

Ban Quản lý dự án khu vực Kiến An lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với 04 hộ gia đình cá nhân có đất nông nghiệp tại tổ dân phố Đồng Lập (cũ) nay là tổ dân phố Đồng Khê, phường Kiến An nằm trong phạm vi thu hồi thực hiện Dự án gửi đến Phòng Kinh tế; Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường phường Kiến An thẩm định trình UBND phường phê duyệt theo quy định.

Hồ sơ gồm có:

- Dự thảo bảng tổng hợp kinh phí bồi thường, hỗ trợ;
- Dự thảo phương án chi tiết 04 hộ dân.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Vũ Văn Tiến

UBND PHƯỜNG KIẾN AN
HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TĐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỌNG HỢP BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN TRÊN ĐẤT CỦA HỘ DÂN CÓ ĐẤT NĂM TRONG CHỈ GIỚI
THU HỜI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TUYẾN ĐƯỜNG NỐI QUỐC LỘ 5 VỚI QUỐC LỘ 10 ĐOẠN ĐI QUÁ ĐỊA BÀN PHƯỜNG KIẾN AN
(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày/...../2026 của UBND phường Kiến An)

Số TT	Họ và tên	Diện tích thu hồi thực hiện dự án (m ²)	Bồi thường về đất (đồng)	Bồi thường cây cối hoa màu (đồng)	Các khoản hỗ trợ (đồng)	Tổng cộng (đồng)	Tổng cộng kinh phí hành chính phục vụ công tác BT, GPMB (đồng)	Tổng cộng kinh phí BT, HT và chi phí hành chính phục vụ công tác BT, GPMB (đồng)
1	2	3	4	5	6	7 = 4 + 5 + 6	8 = 7 * 2%	9 = 7 + 8
1	Bùi Đức Lành và vợ là bà Đoàn Thị Hợp	501.00	65.130.000	5.010.000	359.589.000	429.729.000	8.594.580	438.323.580
2	Bùi Đức Kim và vợ là bà Nguyễn Thị Nhì	652.30	84.799.000	8.479.900	460.234.700	553.513.600	11.070.272	564.583.872
3	Vũ Khắc Nhung	417.30	54.249.000	4.173.000	294.719.700	353.141.700	7.062.834	360.204.534
4	Vũ Hữu Tuấn	8.40	1.092.000	109.200	9.387.600	10.588.800	211.776	10.800.576
	Cộng	1.579,00	205.270.000,00	17.772.100,00	1.123.931.000,00	1.346.973.100,00	26.939.462,00	1.373.912.562,00

Tổng kinh phí bồi thường hỗ trợ và CPHC:

Một tỷ, ba trăm bảy mươi ba triệu, chín trăm mười hai nghìn, năm trăm sáu mươi hai đồng chẵn

Trong đó:

Kinh phí bồi thường, hỗ trợ

CPHC thực hiện công tác bồi thường

Một tỷ, ba trăm bốn mươi sáu triệu, chín trăm bảy mươi ba nghìn, một trăm đồng chẵn

Hai mươi sáu triệu, chín trăm ba mươi chín nghìn, bốn trăm sáu mươi hai đồng chẵn

Kiến An, ngày 22 tháng 7 năm 2026

PHÒNG XÂY DỰNG, NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

PHÒNG KINH TẾ

PHÒNG KIẾN AN

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG



PHÓ GIÁM ĐỐC
Đu Văn Viên

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Đoàn Văn Bình, Ngọc

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Phạm Văn Tuấn

UBND PHƯỜNG KIẾN AN
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỒ TRỞ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN TRÊN ĐẤT CỦA HỘ DÂN CÓ ĐẤT NÀM TRONG CHỈ GIỚI
THU HỒI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TUYÊN DƯƠNG NỘI QUỐC LỘ 5 VỚI QUỐC LỘ 10 ĐOẠN ĐI QUA ĐỊA BÀN PHƯỜNG KIẾN AN

Họ và tên: Bùi Đức Lành và vợ là bà Đoàn Thị Hợp
Số CCCD:
ĐKKTT: Tổ Đồng Lập (nay là tổ Đồng Khê), phường Kiến An, thành phố Hải Phòng
Địa chỉ: Thửa đất số: 484; Tờ bản đồ số 14; (Theo TLĐC 2026: Thửa số 16, Tờ số 5)
Diện tích thu hồi trong chỉ giới (m²): 114,60
Diện tích ảnh hưởng đề nghị thu hồi (m²): 386,40
Tỷ lệ thu hồi (%) 51,1%

STT	Mã hiệu	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
A		Vẽ đất				65.130.000	
		Bồi thường đất nông nghiệp giao cho các hộ dân: 130.000/m ²	m ²	501,0	130.000	65.130.000	
B		Hoa màu				5.010.000	
		Tร่อง lư	m ²	501,0	10.000	5.010.000	Căn cứ Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 06/2/2026; Quyết định số 1133/QĐ-UBND ngày 28/3/2026 của UBND thành phố Hải Phòng
C		Các khoản hỗ trợ				359.589.000	
		Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 130.000đ/m ² *5 = 650.000đ/m ²	m ²	501,0	650.000	325.650.000	
		Hỗ trợ ổn định cuộc sống đối với hộ mất đất từ 30%-70% diện tích: 20.000đx6thángx30ngày= 3.600.000đ/khẩu	khẩu	4	3.600.000	14.400.000	Căn cứ Quyết định số 181/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND phường Kiến An; Giá gạo: 20.000đ/kg; Công văn số 1621/CV-UBND ngày 22/4/2026 của UBND phường Kiến An.
		Hỗ trợ ổn định sản xuất khi nhà nước thu hồi đất = 30%*130.000đ= 39.000đ	m ²	501,0	39.000	19.539.000	
		Tổng cộng (A+B+C)				429.729.000	

Người lập
Nguyễn Quang Luận

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Vũ Văn Tiến

UBND PHƯỜNG KIẾN AN
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỎI THƯỜNG, HỒ TRỢ ĐẤT ĐAI TÀI SẢN TRÊN ĐẤT CỦA HỘ DÂN CÓ ĐẤT NÀM TRONG CHỈ GIỚI
THU HỒI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TUYẾN ĐƯỜNG NỘI QUỐC LỘ 5 VỚI QUỐC LỘ 10 ĐOẠN ĐI QUA ĐỊA BÀN PHƯỜNG KIẾN AN

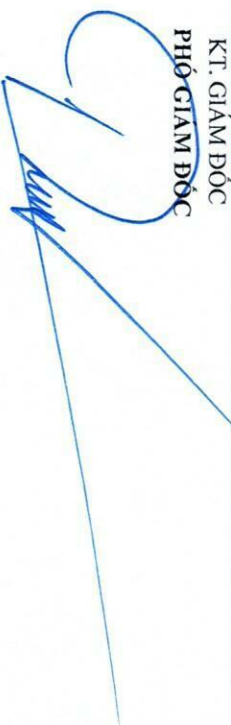
Họ và tên: Bùi Đức Kim và vợ là bà Nguyễn Thị Nhi
Số CCCD:

ĐKKHTT: Tổ Đồng Lập (may là Tổ Đồng Khê), phường Kiến An, thành phố Hải Phòng
Địa chỉ: Thửa đất số: 41+126; Tờ bản đồ số 16 (Theo TLĐC 2026: Thửa số 57+97; Tờ số 05)

Diện tích thu hồi trong chỉ giới (m²): 618,90
Diện tích ảnh hưởng đề nghị thu hồi (m²): 33,4
Tỷ lệ thu hồi (%): 29,2%

STT	Mã hiệu	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
A		Về đất				84.799.000	
		Bồi thường đất nông nghiệp giao cho các hộ dân: 130.000/m ²	m ²	652,3	130.000	84.799.000	
B		Hoa màu				8.479.900	
		Rau muống	m ²	652,3	13.000	8.479.900	Căn cứ Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 06/2/2026; Quyết định số 1133/QĐ-UBND ngày 28/3/2026 của UBND thành phố Hải Phòng
C		Các khoản hỗ trợ				460.234.700	
		Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 130.000đ/m ² *5 = 650.000đ/m ²	m ²	652,3	650.000	423.995.000	
		Hỗ trợ ổn định cuộc sống đối với hộ mất đất dưới 30% diện tích: 20.000đx3thángx30ngày= 1.800.000đ/khẩu	khẩu	6	1.800.000	10.800.000	Căn cứ Quyết định số 181/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND phường Kiến An; Giá gạo: 20.000đ/lkg; Công văn số 1621/CV-UBND ngày 22/4/2026 của UBND phường Kiến An.
		Hỗ trợ ổn định sản xuất khi nhà nước thu hồi đất = 30%*130.000đ= 39.000đ	m ²	652,3	39.000	25.439.700	
		Tổng cộng (A+B+ C)				553.513.600	


Nguyễn Quang Luận

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Vũ Văn Tiến

UBND PHƯỜNG KIẾN AN
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯỜNG AN CHI TIẾT BỎ THUỜNG, HỖ TRỢ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN TRÊN ĐẤT CỦA HỘ DÂN CÓ ĐẤT NÀM TRONG CHỈ GIỚI
THU HỒI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TUYẾN ĐƯỜNG NỘI QUỐC LỘ 5 VỚI QUỐC LỘ 10 ĐOẠN ĐI QUA ĐỊA BÀN PHƯỜNG KIẾN AN

Họ và tên: Vũ Khắc Nhượng
Số CCCD:
ĐKKHKT: Tổ Trư Khê 1, phường Kiến An, thành phố Hải Phòng
Địa chỉ: Thửa đất số: 212; tờ bản đồ số 16 (Theo TLĐC 2026: Thửa số 140; Tờ số 05)
Diện tích thu hồi trong chỉ giới (m²): 417,30
Diện tích ảnh hưởng đề nghị thu hồi (m²): 0,00
Tỷ lệ thu hồi (%): 100%

STT	Mã hiện	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
I	2	3	4	5	6	7	8
A		Về đất				54.249.000	
		Bồi thường đất nông nghiệp giao cho các hộ dân: 130.000/m ²	m ²	417,3	130.000	54.249.000	
B		Hoa màu				4.173.000	
		Tổng lúa	m ²	417,3	10.000	4.173.000	Căn cứ Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 06/2/2026; Quyết định số 1133/QĐ-UBND ngày 28/3/2026 của UBND thành phố Hải Phòng
C		Các khoản hỗ trợ				294.719.700	
		Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 130.000đ/m ² *5 = 650.000đ/m ²	m ²	417,3	650.000	271.245.000	
		Hỗ trợ ổn định cuộc sống đối với hộ mất đất từ trên 70% diện tích: 20.000đ x 12 tháng x 30 ngày = 7.200.000đ/khẩu	khẩu	1	7.200.000	7.200.000	Căn cứ Quyết định số 181/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND phường Kiến An; Giá gạo: 20.000đ/kg Tạm tính 01 nhân khẩu
		Hỗ trợ ổn định sản xuất khi nhà nước thu hồi đất = 30%*130.000đ= 39.000đ	m ²	417,3	39.000	16.274.700	
		Tổng cộng (A+B+C)				353.141.700	

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Quang Luận

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Vũ Văn Tiến

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỒ TRỢ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN TRÊN ĐẤT CỦA HỘ DÂN CÓ ĐẤT NÀM TRONG CHỈ GIỚI THU HỒI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TUYẾN ĐƯỜNG NỘI QUỐC LỘ 5 VỚI QUỐC LỘ 10 ĐOẠN ĐI QUA ĐỊA BÀN PHƯỜNG KIẾN AN

Họ và tên: Vũ Hữu Tuấn
Số CCCD:

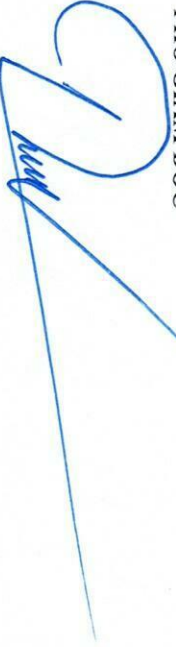
ĐKHKTT: Tổ Đồng Lập (nay là tổ Đồng Khê), phường Kiến An, thành phố Hải Phòng
Địa chỉ: Thửa đất số: 356; Tờ bản đồ số 14; (Theo TLĐC 2026: Thửa số 178, Tờ số 2)

Diện tích thu hồi trong chỉ giới (m²): 8,40
Diện tích ảnh hưởng để nghị thu hồi (m²): 0,00
Tỷ lệ thu hồi (%): 39,6%

STT	Mã hiệu	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	2		4	5	6	7	8
A		Về đất				1.092.000	
		Bồi thường đất nông nghiệp giao cho các hộ dân: 130.000/m ²	m2	8,4	130.000	1.092.000	
B		Hoa màu				109.200	
		Trồng rau muống	m2	8,4	13.000	109.200	Căn cứ Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 06/2/2026; Quyết định số 1133/QĐ-UBND ngày 28/3/2026 của UBND thành phố Hải Phòng
C		Các khoản hỗ trợ				9.387.600	
		Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 130.000đ/m ² *5 = 650.000đ/m ²	m2	8,4	650.000	5.460.000	
		Hỗ trợ ổn định cuộc sống đối với hộ mất đất từ 30% -70% diện tích: 20.000đx6thángx30ngày= 3.600.000đ/khẩu	khẩu	1	3.600.000	3.600.000	Căn cứ Quyết định số 181/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND phường Kiến An; Giá gạo: 20.000đ/kg; Tạm tính 1 nhân khẩu
		Hỗ trợ ổn định sản xuất khi nhà nước thu hồi đất = 30%*130.000đ= 39.000đ	m ²	8,4	39.000	327.600	
		Tổng cộng (A+B+ C)				10.588.800	

Người lập

Nguyễn Quang Luận

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Vũ Văn Tiến

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG KIẾN AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kiến An, ngày 16 tháng 2 năm 2026

TRÍCH LỤC NGUỒN GỐC (BẤT ĐỘNG SẢN)
THU HỒI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ TUYỂN ĐƯỜNG NỘI QUỐC LỘ 5 VỚI QUỐC LỘ 10 ĐOẠN QUA ĐỊA BÀN PHƯỜNG KIẾN AN - TÒ ĐÀN PHỐ ĐÔNG KHÉ

Số TT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Trích lục địa chính 2025			Bản đồ địa chính quản lý năm 1997			Diện tích thu hồi thực hiện dự án (m ²)			Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao (m ²)	Diện tích đã thu hồi thực hiện dự án (m ²)	Diện tích chuyển nhượng, cho tặng (m ²)	Diện tích hiện đang sử dụng (m ²)	Diện tích còn lại ngoài chi giới thu hồi phải (m ²)	Tỷ lệ đất (%)	Loại đất	Nguồn gốc, diện tích quá trình sử dụng đất	Ghi chú
		Tờ bản đồ	số thửa	Diện tích (m ²)	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Trong chi giới	Diện tích ngoài chi giới đề nghị thu hồi (m ²)	Cộng									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1	Vũ Thị Hợp	3	163	25,0	14	57-01	25,0	25,00	0,00	25,00	42,0	399,0		25,0	0,0	100,0	LUC	đất nông nghiệp được giao theo QĐ 03	
2	Ông Phạm Duy Bường	3	172-02	290,2	14	15	290,2	290,20	0,00	290,20	290,20	0,00	290,20	0,00	100,00	LUC	đất nông nghiệp được giao theo QĐ 03		
3	Ông Trần Mạnh Tiến đã chết (con là ông Trần Mạnh Thắng đại diện)	3	174-01	383,3	14	40	344,8	8,80	336,00	344,80	3588,20	603,00	181,00	2804,20	0,00	12,30	LUC	đất nông nghiệp được giao theo QĐ 03	
4	Ông Bùi Đức Lương	3	213	350	14	62-01	350	350,00	0,00	350,00	350,00	0,00	0,00	350,00	0,00	100,00	LUC	nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp của ông Bùi Đức Thịnh	
5	Ông Vũ Hữu Nhuận đã chết (Vợ là bà Trương Thị Thanh)	2	109	267,6	14	88	184,8	102,10	0,00	102,10	1425,00	895,10	345,00	184,90	82,70	55,22	LUC	đất nông nghiệp được giao theo QĐ 03	
6	Bà Bùi Thị Huyền	2	118	281,8	14	113-02	281,4	173,30	0,00	173,30	281,40	0,00	0,00	281,40	108,10	61,58	LUC	Ông Bùi Đức Dầy tặng cho con	
7	Ông Bùi Đức Lương vợ là bà Vũ Thị Ngọc	2	204	211,5	14	113-03	211,5	164,70	0,00	164,70	211,50	0,00	0,00	211,50	46,80	77,87	LUC	Ông Bùi Đức Dầy tặng cho con	
8	Ông Bùi Đức Lương	2	205	133,6	14	113-04	133,6	118,20	0,00	118,20	133,60	0,00	0,00	133,60	15,40	88,47	LUC	Ông Bùi Đức Dầy tặng cho con	
9	Ông Đoàn Đình Phê	4	147	504,2	13	35	543	499,5	5,00					1007,7	459,8	54,4	LUC	đất nông nghiệp được giao theo QĐ 03	
		4	146	501,5	13	48	953,9	43,3	0,00	547,8	1989,0	981,3					LUC	đất nông nghiệp được giao theo QĐ 03	
10	Bà Chu Thị Nguyễn	4	148	509,9	13	47	514	508,7	0,00	508,7	1184,0	675,3		508,7	0,0	100,0	LUC	đất nông nghiệp được giao theo QĐ 03	

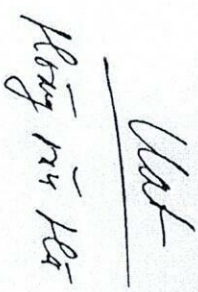
Số TT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Trích lục địa chính 2025			Bản đồ địa chính quản lý năm 1997			Diện tích thu hồi thực hiện dự án (m ²)			Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao (m ²)	Diện tích đã thu hồi thực hiện dự án khác (m ²)	Diện tích chuyển nhượng, cho tặng (m ²)	Diện tích hiện đang sử dụng (m ²)	Diện tích còn lại ngoài chi giới không phải thu hồi (m ²)	Tỷ lệ thu hồi đất (%)	Loại đất	Nguồn gốc, diện tích quá trình sử dụng đất	Ghi chú
		Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Trong chi giới	Diện tích ngoài chi giới để nghi thu hồi (m ²)	Cộng									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
11	Bà Vũ Thị Hương	4	151-01	257,2	13	84-01	301,4	251,4	0,00	251,4	301,4	50,0		251,4	0,0	100,0	LUC	đất nông nghiệp được giao theo QĐ 03	Nhân CN của ông Nguyễn Văn Hùng
12	Bà Vũ Thị Vĩ	4	151-02	257,2	13	84-02	301,4	251,4	0,00	251,4	301,4	50,0		251,4	0,0	100,0	LUC	đất nông nghiệp được giao theo QĐ 03	
13	Bùi Thị Mía	4	152	356,4	13	91	621,8	263,7	0,00	263,7	1357,8	1016,1		341,7	0,0	77,2	LUC	đất thu hồi 2 lần 1 lần 170 và 1 lần 183,1 dư ăn phát triển giao thông đô thị	
14	Trần Đình Bằng	4	145	264,1	13	13	473,4	264,1	0	209,3	1653,4	1180		473,4		44,2	LUC	đất nông nghiệp được giao theo QĐ 03	
15	Ông Trần Văn Khỏe	3	203	77,2	7	115-01	77,2	77,20	0,00	77,20	77,20	0,00		77,20	0,00	100,00	LUC	đất nông nghiệp được giao theo QĐ 03	Nhân CN của ông Nguyễn Văn Hùng
16	Bà Vũ Thị Nhé	2	122	107,60	14	146-01+130-01	107,6	94,10	0,00	94,10	107,60	0,00		107,60	13,50	87,45	LUC	đất nông nghiệp được giao theo QĐ 03	
17	Ông Nguyễn Văn Hùng	3	142	90	7	115-06	90	90,00	0,00	90,00	266,40	0,00		266,40		33,78	LUC	đất nông nghiệp được giao theo QĐ 03	
18	Bà Vũ Thị Chinh	3	143	69,9	7	115-05	69,9	69,90	0,00	69,90	69,90	0,00		69,90	0,00	100,00	LUC	đất nông nghiệp được giao theo QĐ 03	Nhân CN của ông Nguyễn Văn Hùng
19	Nguyễn Hữu An	3	144	60,6	7	115-04	60,6	60,60	0,00	60,60	60,60	0,00		60,60	0,00	100,00	LUC	đất nông nghiệp được giao theo QĐ 03	Nhân CN của ông Nguyễn Văn Hùng
20	Ông Nguyễn Văn Tăng	3	148	59,4	7	115-02	59,4	59,40	0,00	59,40	59,40	0,00		59,40	0,00	100,00	LUC	đất nông nghiệp được giao theo QĐ 03	Nhân CN của ông Nguyễn Văn Hùng
21	UBND Phường	4	150	1439,4	13	260	7794,5										AO	Đất cơ nguồn gốc là đất ao UBND phường quản lý hiện bà Bùi Thị Loan đang sử dụng	
22	công an thành phố Hải Phòng	2	151	1.111,6													CAN	Đất trụ sở công an phường Đồng Hòa cũ	
23	trụ sở UBND Đồng Hòa cũ	2	152	3.173,3													TSC	Đất trụ sở UBND phường Đồng Hòa cũ	

Số TT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Trích lục địa chính 2025			Bản đồ địa chính quản lý năm 1997			Diện tích thu hồi thực hiện dự án (m ²)			Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao (m ²)	Diện tích đã thu hồi thực hiện dự án khác (m ²)	Diện tích chuyển nhượng, đang cho tặng (m ²)	Diện tích hiện đang sử dụng (m ²)	Diện tích còn lại ngoài chi giới phải thu hồi (m ²)	Tỷ lệ thu hồi đất (%)	Loại đất	Nguồn gốc, diện tích qua trình sử dụng đất	Ghi chú	
		Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Trong chi giới	Diện tích ngoài chi giới để nghỉ thu hồi (m ²)	Cộng										
1		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
24	UBND phường	3	185		14	61-01	284,8	263,30	0,00	263,30				0,00	21,50			AO	Đất có nguồn gốc là đất ao do UBND phường quản lý hiện bà Đoàn Thị Hương đang sử dụng	
25	UBND phường	3	193		14	61-04	117,4	117,40	0,00	117,40				0,00	0,00			AO	Đất có nguồn gốc là đất ao do UBND phường quản lý hiện bà Đoàn Thị Hương đang sử dụng	0
26	UBND phường	3	186		14	61-03	72,4	72,40	0,00	72,40				0,00	0,00			AO	Đất có nguồn gốc là đất ao do UBND phường quản lý hiện bà Mai Thị Hải đang sử dụng	
27	UBND phường	3	191		14	78-06	60,9	60,90	0,00	60,90				0,00	0,00			AO	Đất có nguồn gốc là đất ao do UBND phường quản lý hiện ông Đỗ Văn Huân đang sử dụng	
28	UBND phường	2	108		14	78-07	126,5	126,50	0,00	126,50				0,00	0,00			AO	Đất có nguồn gốc là đất ao do UBND phường quản lý hiện Ông Đỗ Văn Huân đang sử dụng	
29	UBND phường	3	192		14	78-04	268,5	268,50	0,00	268,50				0,00	0,00			AO	Đất có nguồn gốc là đất ao do UBND phường quản lý hiện bà Hoàng Thị Cường đang sử dụng	
30	UBND phường	3	211		14	78-05	119,7	119,70	0,00	119,70				0,00	0,00			AO	Đất có nguồn gốc là đất ao do UBND phường quản lý hiện Ông Nguyễn Đức Phương đang sử dụng	

Số TT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Trích lục địa chính 2025				Bản đồ địa chính quản lý năm 1997				Diện tích thu hồi thực hiện dự án (m ²)			Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao (m ²)	Diện tích đã thu hồi thực hiện dự án khác (m ²)	Diện tích chuyển nhượng, cho tặng (m ²)	Diện tích hiện đang sử dụng (m ²)	Diện tích còn lại ngoài chi giới không phải thu hồi (m ²)	Tỷ lệ thu hồi đất (%)	Loại đất	Nguồn gốc, diện tích quá trình sử dụng đất	Ghi chú
		Tờ bản đồ	số thửa	Diện tích (m ²)	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Trong chi giới	Diện tích ngoài chi giới đề nghị thu hồi (m ²)	Cộng	Diện tích đất nông nghiệp được giao (m ²)										
1		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	
31	UBND phường	3	212			14	78-03	43,7	43,70	0,00	43,70				0,00	0,00		AO	Đất có nguồn gốc là đất ao do UBND phường quản lý hiện Bà Cao Thị Thu đang sử dụng		
32	UBND phường	3	214			14	61-02	54	54,00	0,00	54,00				0,00	0,00		AO	Đất có nguồn gốc là đất ao do UBND phường quản lý hiện Ông Bùi Đức Hữu đang sử dụng		
33	UBND phường	2	140	155,1														CDK	Đất có nguồn gốc là đất UBND phường quản lý hiện ông Bùi Đức Hữu đang sử dụng		
34	Ông Bùi Đức Lanh và vợ là bà Đoàn Thị Hợp	5	16	398,5	14	484	501,0	114,60	386,40	501,00	1294,0			1294,0				LUC	đất nông nghiệp được giao theo QĐ 03		
35	Ông Bùi Đức Kim	5	57	333,1	16	41	333,1	299,70	33,40	632,30	2233,2	0,0	0,0	2233,2	0,0	29,2	LUC	đất nông nghiệp được giao theo QĐ 03			
		5	97	319,2	16	124	319,2	319,20	0,00								LUC	đất nông nghiệp được giao theo QĐ 03			
36	Ông Vũ Khắc Nhuong	5	140	417,3	16	212	417,3	417,30	0,00	417,30	417,30			417,3		100,0	LUC	đất nông nghiệp được giao theo QĐ 03			
37	Vũ Hữu Tuấn	2	178	281,7	14	356	345,1	8,4	0,00	8,40	1235,70	564,0		671,7			LUC	ông vũ hữu nhuận chuyển nhượng đất có công trình			
38	Trương THPT Đồng Hòa	17	5	10632,0				25,70		25,70								DGD			
39	UBND Phường	83	5	455,4	16	89	455,4	84,10	371,30	455,40								LUC	Đất có nguồn gốc là đất của UBND phường hiện Đất có nguồn gốc là đất của UBND phường hiện Ông Bùi Đức Tập đang sử dụng	đất 5%	
40	UBND phường	111	5	635,8	16	153	635,8	328,00	307,80	635,80								LUC	Bà Trần Thị Thới đang sử dụng	đất 5%	

Số TT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Trích lục địa chính 2025		Bản đồ địa chính quản lý năm 1997		Diện tích thu hồi thực hiện dự án (m ²)			Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao (m ²)	Diện tích đã thu hồi thực hiện dự án khác (m ²)	Diện tích chuyển nhượng, cho tặng (m ²)	Diện tích hiện đang sử dụng (m ²)	Diện tích còn lại ngoài chi giới thửa hồi (m ²)	Tỷ lệ thu hồi đất (%)	Loại đất	Nguồn gốc, diện tích quá trình sử dụng đất	Ghi chú		
		Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Trong chi giới ngoài chi giới thửa hồi (m ²)										Cộng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
41	UBND phường	182	2	1107,8				138,90									HNK	Đất có nguồn gốc là đất của UBND phường hiện Ông Nguyễn Văn Được đang sử dụng	

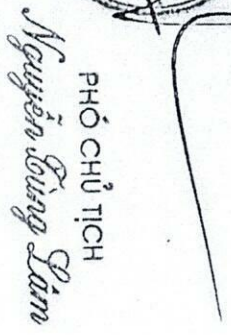
PHÒNG XÂY DỰNG, NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
LÀNH ĐÀO
ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Phạm Văn Tuấn





PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Lâm



